

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 371/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 01/12/2021

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Điệp

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Văn Hiến

2. Bà Nguyễn Thị Thu Sương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Hoàng, Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 114/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2021 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 231/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/10/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh V, sinh năm 1973; Nơi cư trú: Tổ 03, ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang (có yêu cầu xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn B, sinh năm 1973; nơi cư trú: Tổ 03, ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Nguyên đơn bà Huỳnh V trình bày:

Bà với ông Nguyễn B chung sống với nhau từ năm 1991, tự nguyện chung sống với nhau. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Cách nay 04 năm vợ chồng bà bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông Nguyễn B có người phụ nữ khác, ông B không chăm lo cho cuộc sống gia đình, không chăm lo cho con chung. Vợ chồng đã sống ly thân cách nay đã 04 năm. Ông B thường xuyên chửi mắng bà. Vợ chồng không thể chung sống được với nhau, cuộc sống hôn nhân giữa bà với ông B không còn hạnh phúc. Bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn B.

Bà với ông Nguyễn B chung sống có 04 con chung tên Nguyễn Văn L sinh

năm 1995, Nguyễn Văn V sinh năm 1996, Nguyễn Văn Q sinh năm 2002, Nguyễn Thị N sinh năm 2004. Hiện nay L, V, Q đã thành niên, tự lao động được, không mắc bệnh tâm thần hoặc bị hạn chế năng lực hành vi. Sau ly hôn, bà yêu cầu được nuôi con chung tên Nguyễn Thị N sinh năm 2004, hiện đang sống với bà, bà không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Nguyễn B vắng mặt trong quá trình Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án, không cung cấp ý kiến.

- Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu quan điểm:

Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn bà Huỳnh V đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình và có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn B đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần hai nên đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Về nội dung:

Bà Huỳnh V với ông Nguyễn B tự nguyện chung sống với nhau đến năm 2005 đăng ký kết hôn tại UBND xã B. Theo bà Vân trình bày vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, ông B có tình cảm với người phụ nữ khác, thường xuyên cự cãi, cuộc sống không hạnh phúc và đã sống ly thân 04 năm. Quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn B vắng mặt và không có ý muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, không quan tâm đến việc bà V xin ly hôn. Bà Vân kiên quyết yêu cầu ly hôn với ông B. Vì vậy, Hôn nhân giữa bà Vân với ông B mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Vân

Bà Huỳnh V với ông Nguyễn B chung sống có 04 con chung tên Nguyễn Văn L sinh năm 1995, Nguyễn Văn V sinh năm 1996, Nguyễn Văn Q sinh năm 2002, Nguyễn Thị N sinh năm 2004. Cháu L, V, Q hiện nay đã thành niên, tự lao động được, không mắc bệnh tâm thần hoặc bị hạn chế năng lực hành vi, không ai yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với Nguyễn Thị N sinh năm 2004, bà V có yêu cầu được trực tiếp nuôi. Cháu Nguyễn Thị N có nguyện vọng được sống chung với bà V và hiện nay đang do bà Vân nuôi. Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu N cho bà V trực tiếp nuôi để ổn định cuộc sống của cháu N. Bà V không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con và không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng

[1.1] Bà Huỳnh V khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn B cư trú tại xã B, huyện C, tỉnh An Giang và yêu cầu được nuôi con chung sau ly hôn. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Châu Phú thụ lý quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi

con” và giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn bà Huỳnh V vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, không có yêu cầu hoãn tố. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà Vân và ông B.

[2] Về nội dung vụ án

[2.1] Bà Huỳnh V trình bày bà với ông Nguyễn B tự nguyện chung sống với nhau. Tại Giấy chứng nhận kết hôn số 30 quyển số 01 ngày 30/3/2005 của Ủy ban nhân dân xã B Thủy huyện Châu Phú tỉnh An Giang thể hiện bà Huỳnh V và ông Nguyễn B đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B chứng nhận kết hôn nên bà Huỳnh V và ông Nguyễn B có xác lập quan hệ vợ chồng. Quá trình chung sống bà Vân với ông B phát sinh mâu thuẫn nên bà Vân khởi kiện yêu cầu ly hôn. Bà V và ông B có 04 con chung tên Nguyễn Văn L sinh năm 1995, Nguyễn Văn V sinh năm 1996, Nguyễn Văn Q sinh năm 2002, Nguyễn Thị N sinh năm 2004.

[2.2] Tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau. Trong quá trình chung sống bà V và ông B đã phát sinh mâu thuẫn nên vợ chồng đã không chung sống với nhau, không quan tâm, không chăm sóc, không giúp đỡ nhau, không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Quá trình giải quyết vụ án, bà Vân kiên quyết yêu cầu được ly hôn, trình bày tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được. Ông B không có ý kiến trình bày muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy giữa bà Vân và ông B đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Tòa án đã thông báo hòa giải nhưng các đương sự vắng mặt nên không thành. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Huỳnh V

[2.3] Bà Vân yêu cầu được nuôi con chung tên Nguyễn Thị N sinh năm 2004, hiện đang chung sống với bà. Quá trình giải quyết vụ án, ông B không có ý kiến tranh chấp về nuôi con. Đồng thời, Cháu Nguyễn Thị N có nguyện vọng được sống chung với bà V. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cháu Nguyễn Thị N sinh năm 2004 cho bà V trực tiếp nuôi. Bà Vân không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con và con chung Nguyễn Văn L sinh năm 1995, Nguyễn Văn V sinh năm 1996, Nguyễn Văn Q sinh năm 2002 hiện nay đã thành niên, tự lao động được, không mắc bệnh tâm thần hoặc bị hạn chế năng lực hành vi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được pháp luật quy định thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi về cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.4] Bà Vân không yêu cầu giải quyết về nợ chung và tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Trường hợp nếu có tranh chấp liên quan đến tài sản chung hoặc nợ chung thì sẽ được giải quyết theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí: Do bà Huỳnh V là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Huỳnh V với ông Nguyễn B.

- Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thị N, sinh ngày 10/9/2004 (hiện đang sống chung với bà Huỳnh V) cho Huỳnh V trực tiếp nuôi.

Ông Nguyễn B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp ông Nguyễn B lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà Huỳnh V có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông Nguyễn B.

Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được pháp luật quy định thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi về cấp dưỡng nuôi con chung.

-Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà Huỳnh V phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số TU/2019/0008757 ngày 11 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

Thời hạn kháng cáo đối với bản án của các đương sự có mặt tại phiên tòa là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Châu Phú;
- Chi cục THADS huyện Châu Phú;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu VP; hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Ngọc Diệp